

Số: 38/2021/QĐST-HNGĐ

*Lấp Vò, ngày 12 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2021/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 76, Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Trịnh Khương B, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 89b, khóm 2, thị trấn L, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trịnh Khương B.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trịnh Khương B tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung tên Trịnh Minh N, sinh ngày 19/8/2006 và Trịnh Minh K, sinh ngày 29/10/2008 cho chị Trần Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Trịnh Minh N và Trịnh Minh K hiện đang do chị T nuôi dưỡng).

Chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu anh Trịnh Khương B có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi 02 con chung là cháu Trịnh Minh N và Trịnh Minh K.

Chị Trần Thị Cẩm T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trịnh Khương B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về chia tài sản: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trịnh Khương B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trịnh Khương B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/ 0013874, ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị T được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
- (GCNKH số 262 ngày ĐK 23/12/2005)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

**Trần Văn Kiến**